TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/DS-ST
Ngày: 11-6-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Truyện

2. Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hưng - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 32/2025/QĐST-DS ngày 26/5/2025 giữa các đương sự:

-N đơn: Ông Trần Công C, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Q. *(Có mặt)*

- Bị đơn: Bà T. N, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn C , xã H, huyện H1, TP Đ; Chỗ ở hiện nay: Thôn M , xã H , huyện H1, TP Đ. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa,N đơn ông Trần Công C trình bày:*

Vào ngày 26/10/2016, bà Nguyễn Thị T. Ncó vay của ông Trần Công C số tiền 10.000.000 đồng, có thế chấp sổ hộ khẩu mang tên Phạm Ngọc L, HSHK số 285. Mượn tiền kinh doanh làm ăn. Ông Trần Công C đã đòi nhiều lần nhưng bàN không trả tiền gốc và lãi cho tôi. Yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T. Ntrả cho ông C tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 96 tháng, lãi suất 1%/tháng x10.000.000 đồng x 96 tháng = 19.600.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T. Nđã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện củaN đơn.

Tại phiên toà, ông Trần Công C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án buộc bà Nguyễn Thị T. Nphải thanh toán số tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng) từ ngày 26/11/2016 đến ngày xét xử 11/6/2025 là 102 tháng 16 ngày x 10.000.000 đồng x 0.83%/tháng = 8.510.256 đồng. Tổng số tiền yêu cầu bàN phải thanh toán là 18.510.256 đồng, trong đó tiền gốc 10.000.000đ, tiền lãi 8.510.256 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự:N đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện củaN đơn ông Trần Công C. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T. Nphải trả cho ông C số tiền nợ 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tạm tính từ ngày vi phạm 26/11/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T. Nphải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị T. Ncó nơi cư trú tại thôn M, xã H, huyện H1, Tp Đnên yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản củaN đơn ông Trần Công C với bị đơn bà Nguyễn Thị T. Nthuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T. Nđã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bàN

vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện củaN đơn. Theo biên bản xác minh ngày 09/5/2025 của Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, bàN hiện có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn M, xã H, huyện H1, Tp Đnên đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Toà án để bàN biết tham gia phiên toà. Tại phiên tòa hôm nay, bàN vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T. N.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 26/10/2016, bà Nguyễn Thị T. Ncó vay của ông Trần Công C số tiền 10.000.000 đồng, các bên có viết giấy mượn tiền, bàN có thế chấp sổ hộ khẩu mang tên Phạm Ngọc L, HSHK số 285. Mượn tiền kinh doanh làm ăn. Ông C đã nhiều lần yêu cầu bàN trả tiền nhưng bàN không trả tiền gốc và lãi cho ông C. Vì vậy ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T. Ntrả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng) từ ngày 26/11/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/6/2025 là 102 tháng 16 ngày x 10.000.000đ x 0.83%/tháng = 8.510.256 đồng. Tổng số tiền ông Trần Công C yêu cầu bàN phải thanh toán là 18.510.256 đồng, trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 8.510.256 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị T. Nnhưng bàN vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện củaN đơn.

[2.1] Xét thấy, giấy mượn tiền đề ngày 26/10/2016 được lập thành văn bản, các bên không thoả thuận thời gian trả nợ, giấy mượn tiền có chữ ký của bà Nguyễn Thị T. Nthỏa mãn các điều kiện quy định tại các Điều 117, 118 và Điều 463 của Bộ luật dân sự nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bị đơn bàN không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết là vi phạm thỏa thuận. Vì vậy yêu cầu khởi kiện củaN đơn phù hợp với quy định tại Điều 274, 275, 280, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện củaN đơn ông Trần Công C, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T. Ncó nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng đồng cho ông C.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi củaN đơn thì thấy: Giấy mượn tiền đề ngày 26/10/2016, các đương sự không thỏa thuận về lãi suất. Tại phiên tòa, ông Trần Công C yêu cầu bà Nguyễn Thị T. Nphải trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng) tính từ ngày 26/11/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/6/2025 là 102 tháng 16 ngày x 10.000.000đ x 0.83%/tháng = 8.510.256 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện củaN đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T. Nphải có nghĩa vụ trả choN đơn

ông Trần Công C số tiền 18.510.256 đồng, trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 8.510.256 đồng.

[3] Đối với HSHK số 825 mang tên Phạm Ngọc L hiện tại ông C đang giữ: HĐXX xét thấy, việc bàN đưa HSHK số 825 cho ông C là để làm tin đảm bảo khoản vay, do đó cần buộc ông C trả lại HSHK số 825 bản gốc cho bàN.

[4] Về án phí:

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện củaN đơn nên bị đơn bàN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 18.510.256 đồng x 5% = 925.512 đồng.

- Hoàn trả choN đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Theo những nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 274, 275, 280, 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện củaN đơn ông Trần Công C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà T. N.

Buộc bà Nguyễn Thị T. Nphải trả cho ông Trần Công C số tiền 18.510.256đ *(Mười tám triệu năm trăm mười nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng)*, trong đó nợ gốc là 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*, tiền lãi là 8.510.256đ *(Tám triệu năm trăm mười nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực,N đơn có đơn yêu cầu đối với số tiền bị đơn phải thanh toán, nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông Trần Công C có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T. N01 sổ hộ khẩu có (HSHK số 825) mang tên Phạm Ngọc L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Nguyễn Thị T. Nphải chịu 925.512đ (Chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm mười hai đồng).

Hoàn trả choN đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008493 ngày 17/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang.

3. Về quyền kháng cáo:N đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11 tháng 6 năm 2025. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND h. Hòa Vang;
- Chi cục THADS h. Hòa Vang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Loan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**